

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-ST
Ngày: 10-5-2019
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thành**
2. Ông **Trần Trung Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Mai Thị Út** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng T** sinh năm: 1960

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Bà **Âu Thị Th** sinh năm: 1958

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3. Người làm chứng:

3.1 Bà Phạm Thị D sinh năm: 1979

3.2 Bà Lê Thị Kim L sinh năm: 1979

3.3 Bà Đặng Thị N sinh năm: 1976

3.4 Bà Nguyễn Thị Ngọc H sinh năm: 1972

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Bà T có mặt, bà Th, bà D, bà L, bà N, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị Hồng T** trình bày: Vào ngày 09 tháng 9 năm 2017 âm lịch bà có mở 01 dây hụi 1.000.000 đồng do bà làm chủ hụi, bà **Âu Thị Th** có tham gia 01 phần, dây hụi có 21 phần, thỏa thuận kỳ mở hụi là ngày 09 hàng tháng ai bỏ thăm cao được lãnh hụi. Đến kỳ mở hụi lần thứ 07 bà **Th** trúng thăm được lãnh hụi với số tiền là 17.200.000 đồng trừ 500.000 đồng

cho chủ hội còn lại 16.700.000 đồng, sau khi lãnh hội bà Th đóng lại 02 kỳ hội chết thì ngưng cho đến nay. Dây hội này mãi vào ngày 09 tháng 5 năm 2019 âm lịch nhằm ngày 11 tháng 6 năm 2019 dương lịch. Tính đến ngày xét xử bà Th còn nợ bà 10 kỳ hội chết đã đến hạn và 02 kỳ hội chết chưa đến hạn, tổng cộng là 12 kỳ với số tiền là 12.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà Th trả bà 12.000.000 đồng, thời gian trả như sau: số tiền 10.000.000 đồng đã đến hạn bà yêu cầu trả 01 lần, còn lại 2.000.000 đồng chưa đến hạn bà yêu cầu trả theo kỳ khai hội.

Đối với bà Âu Thị Th đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bà Th không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T xem như bà Th từ bỏ quyền trình bày để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại các biên bản ghi lời khai ngày 26 tháng 3 năm 2019 những người làm chứng là Bà Phạm Thị D, bà Lê Thị Kim L, bà Đặng Thị N, bà Nguyễn Thị Ngọc H cùng thống nhất trình bày: Bà D, bà L, bà N, bà H không có mâu thuẫn gì với bà T và bà Th. Bà D, bà L, bà N, bà H cùng tham gia dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 09 tháng 5 năm 2017 âm lịch với bà Th do bà T làm chủ hội. Bà D, bà L, bà N, bà H đều xác định bà Th tham gia 01 phần và đã lãnh hội xong rồi nhưng bà Th có đóng lại hội chết cho bà T hay không thì các bà không biết.

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên; bà Th, bà D, bà L, bà N, bà H vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Th, bà D, bà L, bà N, bà H là phù hợp Điều 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và bà Âu Thị Th thực tế có xảy ra quan hệ góp hội với nhau được thể hiện qua giấy hội do bà T cung cấp và lời khai của những người làm chứng là bà Phạm Thị D, bà Lê Thị Kim L, bà Đặng Thị N, bà Nguyễn Thị Ngọc H đều xác định bà Th có tham gia dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 09 tháng 5 năm 2017 âm lịch do bà T làm chủ hội. Tại phiên tòa bà T xác định bà Th đã lãnh hội xong và còn nợ lại bà 12 kỳ hội chết với số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó số tiền 10.000.000 đồng đã đến hạn còn 2.000.000 đồng chưa đến hạn. Đối với Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng bà Th không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và bà Th vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng xem như bà Th thừa nhận việc bà có tham gia góp hội do bà T làm chủ hội và còn nợ lại bà T 12.000.000 đồng đến nay chưa trả, đồng thời bà cũng từ bỏ quyền trình bày để bảo vệ quyền lợi cho mình. Mặt khác những người làm chứng là bà D, bà L, bà N, bà H cũng xác định bà Th đã lãnh hội do bà T giao. Xét thấy lời trình bày của bà T phù hợp giấy hội mà bà cung cấp và cũng phù hợp với lời khai của những người làm chứng là những người hoàn toàn vô tư khách quan. Do đó, cần buộc bà Th trả bà T số tiền nợ hội

còn thiếu tổng cộng là 12.000.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng đã đến hạn trả 01 lần, còn 2.000.000 đồng chưa đến hạn trả theo kỳ khai hội là phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và người tham gia tố tụng khác tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh việc bà Th có bỏ địa phương đi làm ăn xa hay không để đảm bảo việc bà Th có biết việc bà T khởi kiện bà Th. Xét thấy, bà Th có nơi cư trú rõ ràng, có xác nhận của chính quyền địa phương và tại phiên tòa bà T xác định bà và Th có gặp nhau tại địa phương và bà Th cũng biết việc bà T khởi kiện mình. Việc bà Th có đi làm ăn xa hay không đó là việc cá nhân bà Th do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xác định thông tin bà Th bỏ đi làm ăn xa cũng đủ cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Bà Âu Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hội, biên, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T.

Buộc bà Âu Thị Th phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền nợ hội là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Thời gian trả như sau:

- Bà Th trả bà T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bà Th trả bà T 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào ngày 09 tháng 4 năm 2019 âm lịch nhằm ngày 13 tháng 5 năm 2019 dương lịch.

- Bà Th trả bà T 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào ngày 09 tháng 5 năm 2019 âm lịch nhằm ngày 11 tháng 6 năm 2019 dương lịch.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Âu Thị Th chậm thi hành đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1 Bà Âu Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

2.2 Bà Nguyễn Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 09701 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với bà Âu Thị Th thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

